

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị X và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLST – HNGĐ, ngày 09/5/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị X**, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 9, xã H.N, huyện H.H, tỉnh Nam Định; “vắng mặt có lý do”;

Bị đơn: Anh **Đoàn Văn T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 9, xã H.N, huyện H.H, tỉnh Nam Định; “vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hà Thị X** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị X** và anh **Đoàn Văn T** tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.N, huyện H.H, tỉnh Nam

Định vào ngày 03/12/2013. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do **anh T** mắc nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn, phá tán tài sản gia đình và đánh **chị X**. Do thường xuyên bị **anh T** đánh đập, **chị X** đã đưa các con về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2020 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay **chị X** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn **anh Đoàn Văn T**.

Về con chung: **Chị X** và **anh T** có 03 con chung là: **Đoàn Thị Ngọc D**, sinh ngày 14/8/2014; **Đoàn Ngọc D**, sinh ngày 02/8/2018 và **Đoàn Ngọc H**, sinh ngày 01/02/2021; hiện cả ba cháu đang ở cùng **chị X**. Khi ly hôn, **chị X** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu **anh T** cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay **chị X** đang làm công nhân sơn và xoa tàu tại Công ty Việt Tiến thuộc thôn Phú An, thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Thu nhập ổn định khoảng 9.000.000đồng/tháng nên đủ khả năng nuôi các con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì cũng không nợ tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện **H.H** đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 121/2023/TLST – HNGĐ, ngày 09/5/2023 và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là **anh Đoàn Văn T** biết để **anh T** có ý kiến về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của **chị X** và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, đến nay **anh T** không đến Tòa làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của **chị X** gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn **chị Hà Thị X** xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn **anh Đoàn Văn T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: **Chị Hà Thị X** và **anh Đoàn Văn T** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H.N** vào ngày 03/12/2013 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa **chị X** và **anh T** là hợp pháp. Vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do **anh T** mắc nghiện chất ma

túy, không tu chí làm ăn, phá tán tài sản gia đình và thường xuyên đánh **chị X**. Nay **chị X** xin ly hôn, **anh T** không có ý kiến gì.

Xét yêu cầu xin ly hôn của **chị Hà Thị X**, Hội đồng xét xử nhận định: thực tế cuộc sống vợ chồng giữa **chị X** và **anh T** không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, **anh T** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án mà không có lý do, đã chứng minh **anh T** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với **chị X**. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa **chị X** và **anh T** không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị X**, cho **chị Hà Thị X** được ly hôn **anh Đoàn Văn T** là phù hợp.

[3] Về con chung: **Chị X** và **anh T** có ba con chung là **Đoàn Thị Ngọc D**, sinh ngày 14/8/2014; **Đoàn Ngọc D**, sinh ngày 02/8/2018; **Đoàn Ngọc H**, sinh ngày 02/2/2021; hiện cả ba cháu đang ở cùng **chị X**. Khi ly hôn, **chị X** có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu **anh T** cấp dưỡng nuôi con; **anh T** không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn; cháu Duyên nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Diễm và cháu Hạnh đều còn nhỏ. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của **chị X** là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay là các con chung đang ở cùng **chị X** và đều còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét thấy cần giao cả 03 con chung cho **chị X** tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, **anh T** không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn **chị Hà Thị X** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Hà Thị X** và anh **Đoàn Văn T**.

2. Về con chung: Giao ba con chung là **Đoàn Thị Ngọc D**, sinh ngày 14/8/2014; **Đoàn Ngọc D**, sinh ngày 02/8/2018; **Đoàn Ngọc H**, sinh ngày 02/2/2021 cho chị **Hà Thị X** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên. Anh **Đoàn Văn T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho **chị X**. Chị **Hà Thị X** và anh **Đoàn Văn T** có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Hà Thị X** phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006676 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **H.H**. **Chị X** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Hà Thị X**, bị đơn anh **Đoàn Văn T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện **H.H**;
- Chi cục THADS huyện **H.H**;
- UBND xã **H.N**;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng